

BÀI THỨ MỘT TRĂM MƯỜI TÁM

1. Martin: Anh Thê, tôi nghe nói trong tháng chạp âm-
lịch ở Việt-Nam có nhiều lễ phải không?
2. Thê: Dạ phải. Ngày hăm ba tháng chạp người ta đi
táo-mộ. Cùng một ngày đó cũng có lễ đưa Ông
Táo về trời. Tối ba mươi thì người ta làm
lễ rước ông bà.
3. M: Người ta làm lễ cách nào?
4. T: Dạ người ta dọn đồ ăn lên bàn thờ, đốt nhang, thắp
đèn cây rồi cúng vái mời ông bà về.
5. M: Ba ngày Tết chắc vui lắm phải không?
6. T: Dạ vui lắm. Người ta đi thăm nhau, mừng tuổi nhau,
chúc nhau làm ăn phát tài. Họ ăn uống no say và
cờ bạc suốt ngày suốt đêm.
7. M: Còn trẻ con thì làm gì?
8. T: Con nít được người lớn cho tiền đi mua pháo đốt.
Có khi chúng cũng bắt chước người lớn chơi bầu
cua cá cộp.
9. M: Nói tóm lại, người ta chỉ ăn chơi lu bù trong ba
ngày Tết phải không?
10. T: Dạ tuy ăn chơi như vậy người ta cũng không quên
ý-nghĩa tôn-giáo của ba ngày Tết. Người thì đi
nhà thờ thờ Chúa, hay đến chùa cúng Phật, người
thì tới đình xin xăm. Hầu hết người Việt thì cúng
lạy ông bà ở trong nhà.

Lesson 118

1. Martin: Thê, I heard that during the twelfth month of the lunar calendar, there are many holidays in Viet-Nam, is that right?
2. Thê: Yes. On the 23rd of the twelfth month people go to clean up the graves. On that same day there is a feast of bidding farewell to the Household God who returns to the heavens. On the night of the 30th people perform rites welcoming their ancestors.
3. M: What kind of rites do they perform?
4. T: People place food on the altar, burn incense sticks, light candles, then pray to their ancestors to return.
5. M: New Year's celebration is probably very merry, isn't it?
6. T: Yes, very happy. People visit each other, give each other birthday greetings, wish each other Happy New Year and prosperous living. They eat and drink and gamble all day and all night.
7. M: What do the children do?
8. T: Children are given money to buy firecrackers. Sometimes they imitate the grown-ups and play "bầu cua cá còp".
9. M: In summary, people don't do anything but have a real good time during the three days of Tết, is that right?

11. M: Thôi cảm ơn anh lắm.
12. T: Không có chi, chào anh.

VS. L 118

10. T: Even though they have a good time like this, people don't forget the religious significance of the three days' celebration. Some people go to churches to worship, others go to the pagodas to offer prayers to Buddha, or go to shrines to get their horoscopes. Almost all Vietnamese worship their ancestors at home.
11. M: Thank you very much.
12. T: You're welcome, good-bye.



Bầu cua cá cộp



bắt chước	to imitate
bầu (trái)	squash (vegetable)
bầu cua cá cộp	child's game with picture dice
Chúa	God (Christian)
cờ bạc	to gamble
con nít (đứa)	child
cua (con)	crab
cúng	to offer sacrifices, prayers; to worship
cúng lạy	to worship
đèn cây	candle
đình	communal house in the village
dọn	to arrange, place (food)
đốt	to burn, set fire
hầu hết	almost all
làm ăn	to make a living
làm lễ	to perform rites
lu bù	to go on a spree (eating, drinking, gambling etc.)
mừng tuổi	to wish Happy New Year
nhang (cây)	incense (stick)
Ông Táo	Household god; god of the kitchen

pháo	fire-crackers
phát tài	to become prosperous, rich
rước	to meet (on arrival), welcome
tảo-mộ	to clean up graves, tombs
thắp	to light (candle etc.)
tôn-giáo	religion
vái	to pray
xăm	horoscope
ý-nghĩa	meaning, significance



Chiến Tranh Pháp-Hoa (1884-1885)

Sau khi ký hòa-ước với nước Tàu ^{*amistice*} Quân Pháp tưởng là quân Trung-hoa sẽ rút về, nhưng khi quân Pháp lên chiếm những tỉnh ở miền thượng-du thì quân Tàu bắn vào quân Pháp, rồi gửi thư cho quân Pháp nói là họ biết đã có hòa-ước nhưng họ chưa được lệnh rút về, và xin hoãn lại 6 ngày để họ đợi lệnh Bắc-kinh. ^{*Peking*} Quân Pháp không nghe. Hai bên ^{*immediatly*} liền nổ súng bắn nhau. Đánh nhau hơn một ngày thì quân Pháp rút lui vì thấy sắp bị quân Tàu bao vây bốn phía.

Chính-phủ Pháp được tin quân Tàu và quân Pháp đánh nhau ở Bắc-kỳ liền ra lệnh cho trung-tướng Courbet mang chiến-thuyền sang đóng gần Phúc-châu (Trung-Hoa) để làm áp-lực ^{*pressure*} nước Tàu phải bồi-thường ^{*indemnity*} về chiến-tranh ở Bắc-kỳ. Nước Trung-Hoa không nghe; trung-tướng Courbet liền ra lệnh bắn phá Phúc-châu, rồi mang chiến-thuyền ra vây Đài-Loan. ^{*surround*}

Trong khi đó thì ở Việt-Nam quân Pháp và quân Tàu cũng đánh nhau dữ-dội. Ban đầu quân Pháp thắng, chiếm được nhiều đồn, nhưng về sau quân Tàu phản-công và chiếm-lại được. Ở đồng-bằng thì quân của các cựu-thần Việt-Nam ^{*former officials*} về đánh phá đồn Pháp. Bên Pháp nhận được tin về tình-hình ở Việt-Nam, lòng người náo động. Thủ-tướng Pháp Jules Ferry ^{*person*} phải từ-chức. Nước Pháp thấy chiến-tranh với nước Trung-Hoa không

^{profitable} ^{therefore} ^{immediately} ^{negotiate}
 có (lợi) (bền) thương-thuyết với Trung-Hoa. Trung-Hoa cũng
 thấy đánh nhau với Pháp không có lợi gì cả. Vì vậy hai
 nước ký hòa-ước với nhau. Theo tờ hòa-ước đó, nước Pháp
 trả lại các chỗ mà hải-quân Pháp đã chiếm giữ ở mặt biển
 và bỏ khoản ^{no damages} (tiền bồi thường) chiến tranh không đòi nữa.
 Còn nước Trung-Hoa thì rút quân về và công ^{recognize} nhận cuộc bảo-
^{protect} hộ của nước Pháp ở Việt-Nam.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can
 go through it with perfect ease and fluency.



elephant

Ngũ-vụng

áp lực

pressure

bảo-hộ

to protect, safeguard;
restrictionism

bồi thường

to reimburse, indemnify

công-nhận

to recognize, authorize

cựu-thân

former official

hoãn

to postpone

náo động

to disturb, stir

thương-thuyết

to negotiate

từ-chức

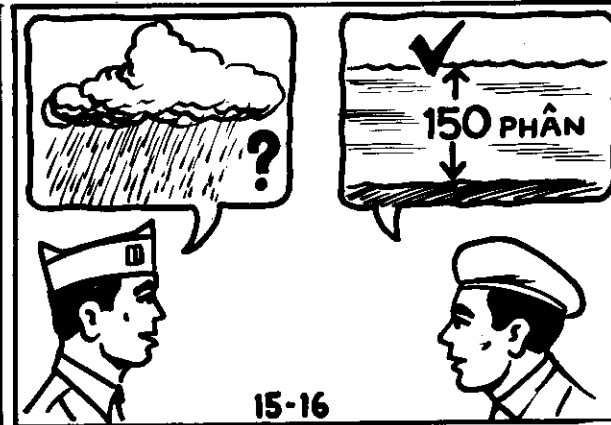
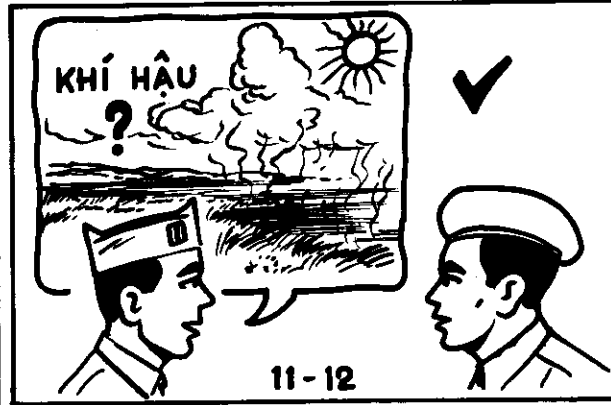
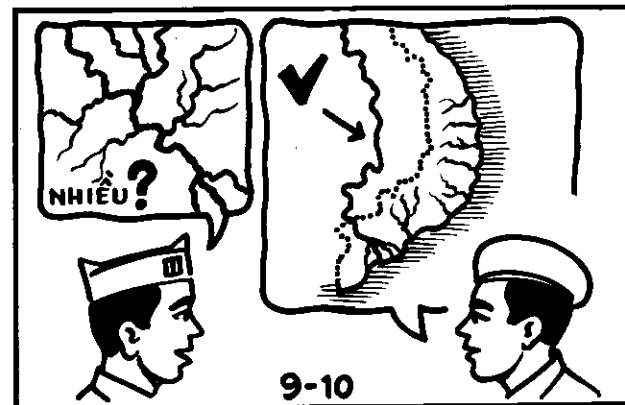
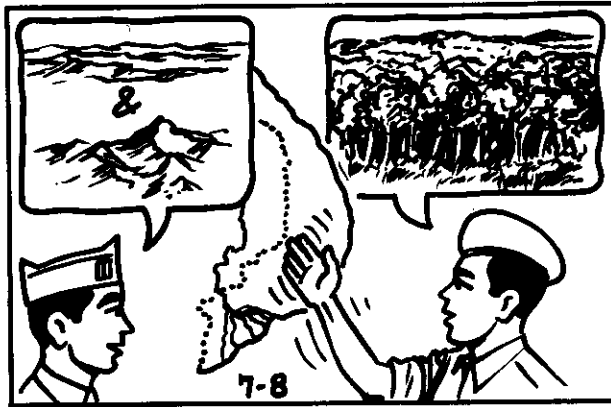
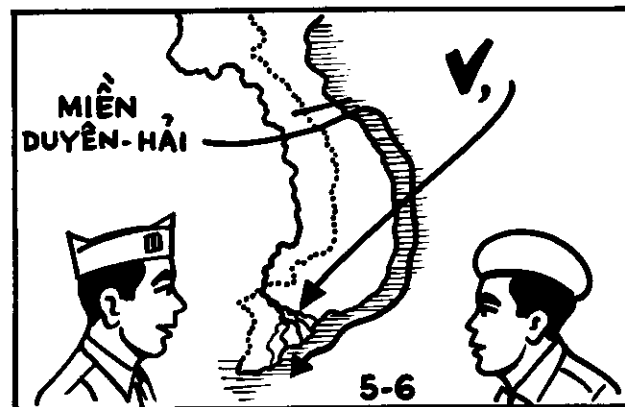
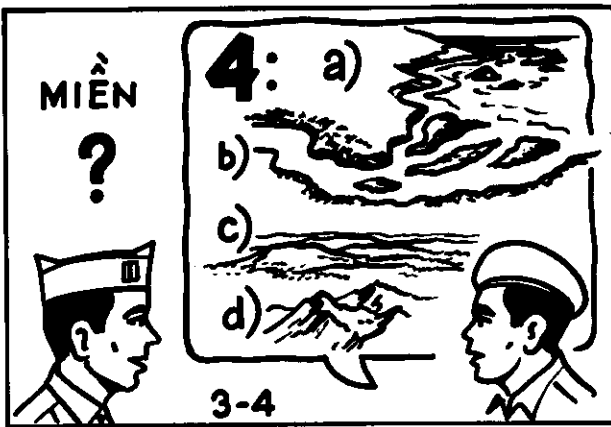
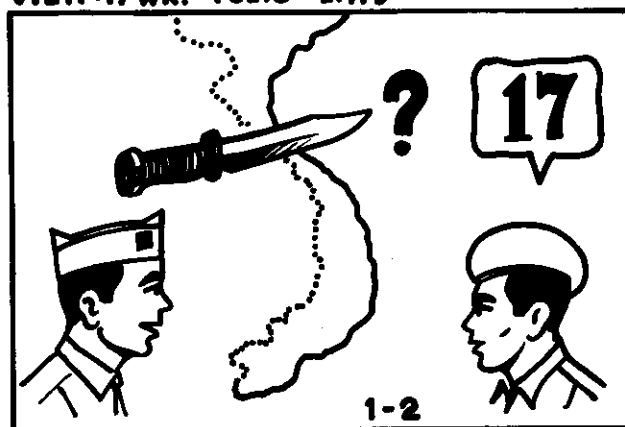
to resign

Câu hỏi:

1. Tại sao quân Trung-Hoa không chịu rút về nước?
2. Hai bên Pháp và Trung-Hoa đánh nhau trong bao lâu?
3. Tại sao Pháp đem quân đánh Phúc-châu?
4. Quân Pháp yêu cầu gì?
5. Quân Việt-Nam có đánh lại Pháp không? Ở đâu?
6. Tại sao Pháp muốn thương-thuyết với Trung-Hoa?
7. Tờ hòa-ước Hoa-Pháp nói gì?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Mềm nắn, rắn buông."



BÀI THỨ MỘT TRĂM MƯỜI CHÍN

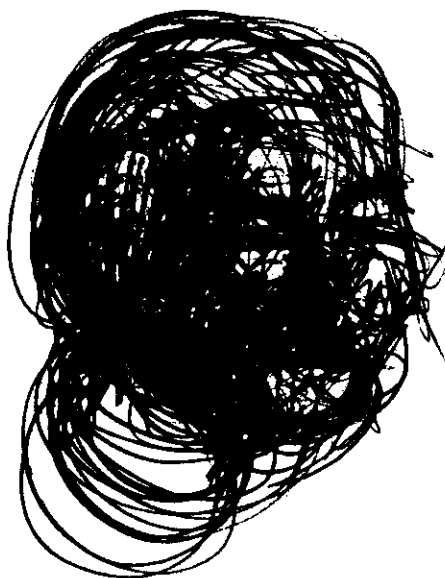
1. Đại-ủy Thunderball: Thưa đại-ủy, nước Việt-Nam bị chia đôi ở vĩ-tuyến nào?
2. Đại-ủy Huỳnh: Dạ nước Việt-Nam bị chia đôi ở vĩ-tuyến mười bảy.
3. Đ.U.T: Việt-Nam Cộng-Hòa có mấy miền?
4. Đ.U.H: Bốn miền. Miền duyên-hải, miền đồng-bằng, miền cao-nguyên và miền núi.
5. Đ.U.T: Miền duyên-hải chạy dọc theo biên Nam-Hải phải không?
6. Đ.U.H: Dạ phải. Còn miền đồng-bằng thì ở miền tây-nam Việt-Nam Cộng-Hòa.
7. Đ.U.T: Miền cao-nguyên và miền núi ở đâu?
8. Đ.U.H: Miền cao-nguyên và miền núi ở Trung-Việt.
9. Đ.U.T: Thưa đại-ủy, Việt-Nam Cộng-Hòa có nhiều sông không?
10. Đ.U.H: Dạ có, Việt-Nam Cộng-Hòa có nhiều sông lắm. Sông lớn nhất là sông Cửu-Long.
11. Đ.U.T: Còn khí-hậu thì sao? Có ẩm-ướt không?
12. Đ.U.H: Khí-hậu ở đây ẩm-ướt lắm.

Lesson 119

1. Capt. Thunderball: At which parralel was Viet-Nam divided,
Captain?
2. Capt. Huynh: Viet-Nam was divided at the 17th
parralel.
3. Capt. T: How many regions are there in the Republic of
Viet-Nam?
4. Capt. H: Four regions. The coastal, the delta, the
highlands and the mountain regions.
5. Capt. T: The coastal region runs along the South China
Sea, doesn't it?
6. Capt. H: Yes, and the delta region is in the South-
Western part of the Republic.
7. Capt. T: Where are the highlands and the mountain
regions?
8. Capt. H: They are in Central Viet-Nam. There are also
many forests there.
9. Capt. T: Are there many rivers in the Republic of
Viet-Nam?
10. Capt. H: Yes, there are many rivers in the Republic of
Viet-Nam. The biggest river is the Mekong
River.
11. Capt. T: How about the climate? Is it humid?
12. Capt. H: It's very humid.

13. Đ.U.T: Tháng nào ầm-uột nhất?
14. Đ.U.H: Dạ tháng tư và tháng năm.
15. Đ.U.T: Mùa mưa có mưa nhiều không?
16. Đ.U.H: Dạ mưa nhiều lắm. Mỗi năm chừng một trăm năm
chục phần.

13. Capt. T: What months are most humid?
14. Capt. H: April and May.
15. Capt. T: Does it rain a lot during the rainy season?
16. Capt. H: Yes, it does. The average annual rainfall
is about 150 centimeters.



VS. L 119

Ngũ-vụng

âm-ướt

humid

biển Nam-Hải

South China Sea

cao-nguyên

highlands

chia đôi

to divide into two

phân

centimeter

sông Cửu-Long

the Mekong River

vĩ-tuyến

parallel (geography)

vĩ-tuyến 17

the 17th parallel

Bước chun vào khu-vực Sơn-Tây là chúng ta đã thấy ngay cái phong-cảnh của đồng-bằng, với giòng nước trắng và ruộng lúa xanh. Ở đây không còn những rặng đồi núi như ở những tỉnh Phú-Thọ, Yên-Bái ..., hoặc miền thượng-du. Ngọn núi Ba-Vì (cũng gọi là núi Tân-Viên), cao trên 1200 thước, hình như đứng chặn những dãy đồi núi của tỉnh Hòa-Bình không cho lan xuống đồng-bằng.

Nếu cái lạ của thượng-du là người ít, của hiểm, thì cái hay của trung-châu là người như kiến và của như núi.

Sơn-Tây là một thành-phố lớn nhất của tỉnh Sơn, cách xa Thủ-Đô chừng sáu mươi cây-sô về phía tây-bắc và nằm ngay trên bờ sông Hồng-Hà.

Sơn-Tây thì giàu: những cánh đồng lúa và khoai rộng (mênh-mông) có (dân-thu nhập-điền;) ngoài (nghề chun lâm tay bùn) của nhà nông, chúng ta còn có thể thấy những nghề khác như làm nồi, làm chén, làm chuông, đánh cá, nuôi tằm, dệt vải ... v.v.

Tỉnh Sơn-Tây giàu hơn nhiều tỉnh khác, đường đi rộng và sạch, những dãy nhà gạch suốt hai bên đường, và dân Sơn-Tây cũng ăn mặc đẹp hơn; cái đặc-sắc nhất là tiếng nói và giọng nói của họ. Giọng nói có vẻ nặng hơn nhiều nơi khác. Bạn có lẽ sẽ không hiểu, khi nghe thấy: "Hôm nay trời nắng

nắng qua a ă, đèn vớ đầu" ("Hôm nay trời nắng quá đèn vớ đầu.")

Ở Sơn-Tây người ta thấy những làng kiều-mẫu với dân số có khi trên năm sáu ngàn, có chợ, có nhà ^{học} thương hay là ^{đặt} trạm phát thuốc cho những người nghèo, có nhiều trường tiểu-học và một trường trung-học.

Con gái Sơn-Tây có tiếng là đẹp. Trong thời các vua ^{phải} xưa, con gái tỉnh Sơn-Tây đã được chọn để đưa vào trong cung.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

bước	to step
chặn ... lại	to hinder
chuông	bell
đặc-sắc	outstanding
giòng nước	flow of water; water current
hiếm	scarce, rare
kiến	ant
kiểu mẫu	model, example
lạ	extraordinary, strange
lan	to spread, scatter
tằm	silkworm
trung-châu	Middle Region (North Viet-Nam)

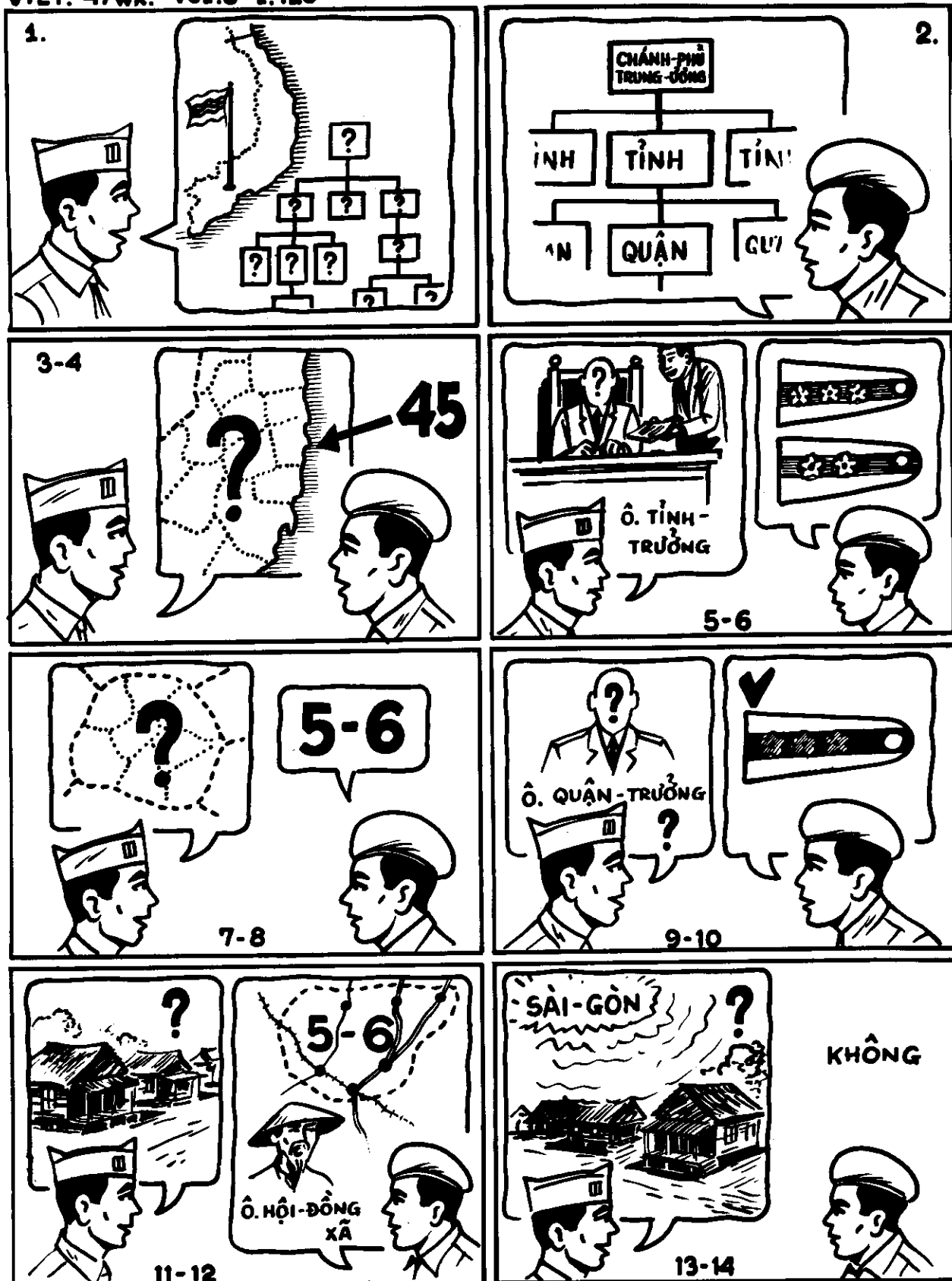
Câu hỏi:

1. Tỉnh Sơn-Tây ở vào miền đồng bằng hay miền rừng núi?
Tại sao?
2. Sơn-Tây có núi không? Nếu có thì là núi gì?
3. Tỉnh nào gần tỉnh Sơn-Tây?
4. Sông nào chảy qua Sơn-Tây?
5. Dân chúng Sơn-Tây làm nghề gì?
6. Làm ruộng có cần nước không? Tại sao?
7. Tỉnh Sơn-Tây giàu hay nghèo? Tại sao?
8. Sơn-Tây có gì đặc-sắc nhất?
9. Tại sao các vua xưa hay nói đến Sơn-Tây?
10. Người Sơn-Tây nói có dễ hiểu không? Tại sao?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Nhà sạch thì mát,

Bát sạch thì ngon."



BÀI THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI

1. Đại-ủy J. Bond: Thưa đại-ủy, chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa được tổ-chức thế nào?
2. Đại-ủy Huỳnh: Dạ đúng đầu là chánh-phủ trung-ương, rồi tới các tỉnh, các quận, các xã, các ấp.
3. Đ.U.B: Việt-Nam Cộng-Hòa có hết thấy bao nhiêu tỉnh?
4. Đ.U.H: Việt-Nam Cộng-Hòa có hết thấy bốn mươi lăm tỉnh.
5. Đ.U.B: Ai đúng đầu một tỉnh?
6. Đ.U.H: Tỉnh-trưởng đúng đầu một tỉnh. Vì bây giờ có chiến-tranh nên tỉnh-trưởng thường-thường là một thiếu-tá hay trung-tá.
7. Đ.U.B: Một tỉnh có bao nhiêu quận?
8. Đ.U.H: Một tỉnh có chừng năm hay sáu quận.
9. Đ.U.B: Đúng đầu một quận cũng là một quân-nhân phải không?
10. Đ.U.H: Dạ phải, thường-thường quận-trưởng là một đại-ủy.
11. Đ.U.B: Còn các xã thì sao?
12. Đ.U.H: Mỗi quận có chừng năm, sáu xã và mỗi xã có một vài ấp. Đúng đầu xã là ông chủ-tịch Hội-đồng-xã.

Lesson 120

1. Capt. J. Bond: How is the Government of the Republic of Viet-Nam organized, Captain?
2. Capt. Huynh: At the head is the central government, then come the provinces, the districts, the villages and the hamlets.
3. Capt. B: How many provinces are there altogether in the Republic of Viet-Nam?
4. Capt. H: There are altogether forty four provinces.
5. Capt. B: Who heads a province?
6. Capt. H: A Province Chief. Because of the war now, a Province Chief is usually a Major or a Lt. Colonel.
7. Capt. B: How many districts are there in a province?
8. Capt. H: About five or six districts.
9. Capt. B: A military man also heads a district, doesn't he?
10. Capt. H: Yes. Usually the District Chief is a Captain.
11. Capt. B: How about the villages?
12. Capt. H: There are about five or six villages in each district and a few hamlets in each village. A village chief heads a village.

VS. L 120

13. Đ.U.B: Việc thay đổi chánh-phủ trung-ương có ảnh-
hưởng tới việc hành-chánh ở các tỉnh không?
14. Đ.U.H: Dạ không ảnh hưởng nhiều.

13. Capt. B: Do changes in the central government affect
the administration in the provinces?

14. Capt. H: It doesn't affect it much.



VS. L 120

Ngũ-vịng

ảnh hưởng	to influence
ảnh hưởng tới	to affect
đứng đầu	at the head
hết thấy	all
quận	district
quân-nhân	service man
thay đổi	to change
việc thay đổi	the change
tỉnh	province
tỉnh-trưởng	Chief of Province
tổ-chức	to organize, organization
được tổ-chức	to be organized
trung-ương	central
chánh-phủ trung-ương	central government
việc hành chánh	the administrative work, the administration
xã	village



uyên ương

Tết Nguyên-đán (tiếp theo)

Ngày đầu năm là ngày người ta đi chùa đình, đi nhà thờ hoặc ở nhà chỗ không có đi xa-giao. Người ta dè-dặt trong mọi việc làm, mọi lời nói, vì tin rằng ngày đó là tượng-trung cho cả một năm sắp đến. (Bởi vậy) đến ba mươi tháng chạp ai cũng quên hết những nỗi phiền-muộn của năm vừa qua. Người thiếu nợ thì gắng trả nợ cho hết để bắt đầu năm mới nhẹ-nhàn vui-vẻ.

Các thầy bói thì thừa dịp làm tiên, xách gói đồ nghề đến thăm từng nhà hay bày hàng ở các góc đường để đón khách hàng. Nhiều người mê-tip kéo nhau tới coi bói, tốn năm mười đồng bạc để mua chút an-uỷ về tương-lai.

Đầu Tết Nguyên-đán không giống hẳn lễ Nô-ên bên Âu-Mỹ, nhưng nó cũng có ý-nghĩa tương-tợ một phần nào. Chẳng hạn về miến quế, có nhiều nhà dựng nêu trước sân. Cây nêu là một cây tre cao, trên đầu có treo đèn hình con cá; ban đêm thắp sáng lại có treo những mảnh hàng đỏ và những cái chuông nhỏ để xua đuổi ma-quỷ tới phá nhà. Nhưng không hiểu bên Âu-Mỹ người ta tin gì mà dựng cây Nô-ên. Và cũng như lễ Nô-ên, Tết Nguyên-đán là dịp sum-hợp trong gia-đình và đối-đãi tử-tế với tất cả mọi người ngoài.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

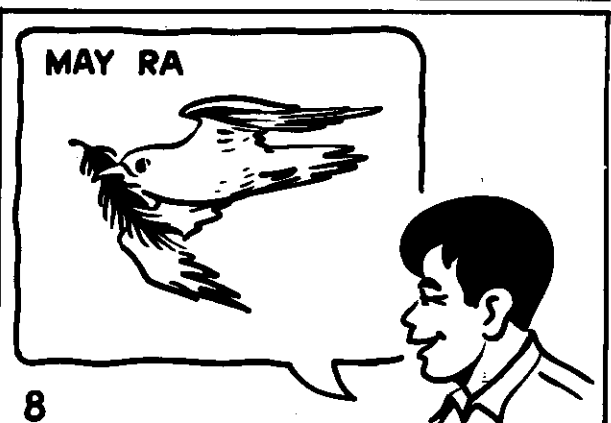
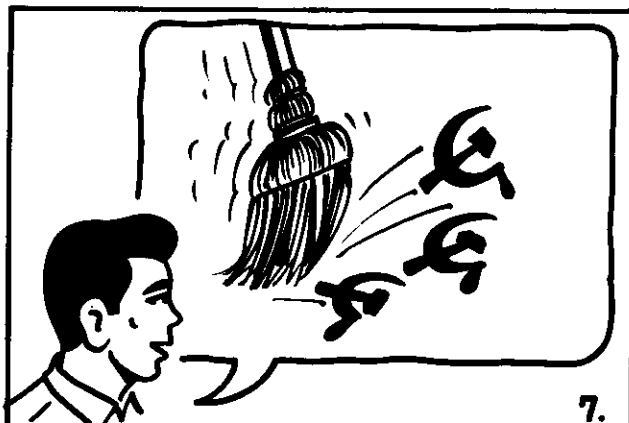
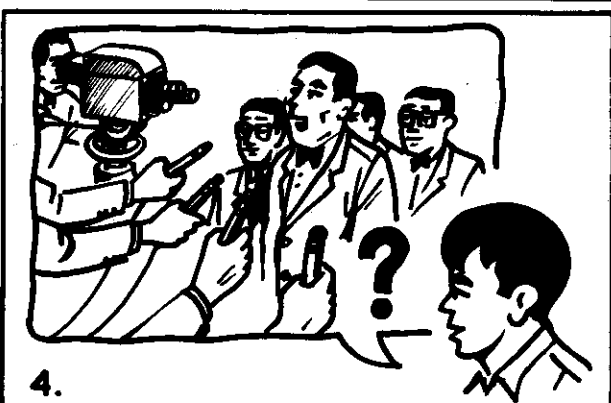
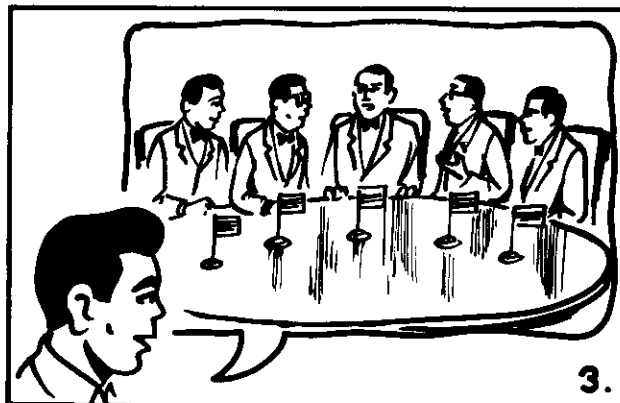
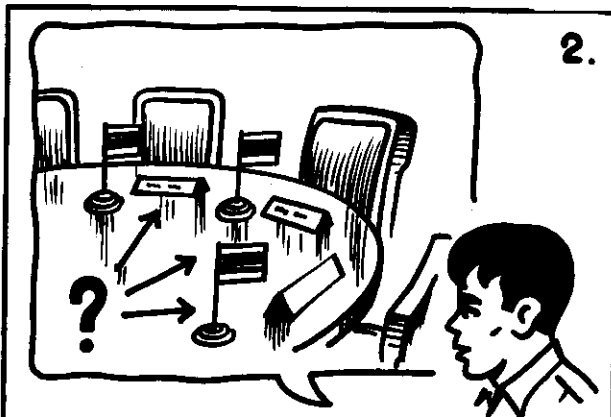
an-ủi	(to) comfort
bởi vậy	therefore
dè-dặt	to be cautious, reserved
đối-đãi	to treat
gắng	to try hard
hàng	goods, shop
hình	shape
kéo nhau	to flock, come in crowds
ma-quỷ	evil spirits
mảnh	piece (of silk, etc.)
mê-tín	to be superstitious
nợ	debt
Noel-ên	Noel, Christmas
nổi	classifier for feelings, etc.
phá	to bother, annoy
phiền-muộn	to be troublesome, bothersome
thầy bói	fortune teller
thiếu	to owe
thừa dịp	to take advantage of the opportunity
tương-tợ	similar, alike
tượng-trưng	to symbolize, stand for
xã-giao	to be sociable, act polite
xua-đuổi	to chase away, ward off

Câu hỏi:

1. Ngày mừng một Tết người Việt làm gì?
2. Tại sao người ta phải dè-dặt ngày đầu năm?
3. Đến ba mươi tháng chạp người ta làm gì?
4. Ai thừa dịp làm tiên trong ba ngày Tết?
5. Tại sao người ta đi coi bói?
6. Tết Nguyên-đán hơi giống lễ gì bên Âu-Mỹ?
7. Cây nêu được trang-hoàng như thế nào?
8. Tại sao người ta dựng cây nêu trước sân?
9. Bên Mỹ người ta tin gì mà dựng cây Nô-én?
10. Tết Nguyên-đán là một dịp gì?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Bói ra ma, quét nhà ra rác."



BÀI THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI MỘT

1. Ông Nhu: Sáng hôm qua các vị ngoại-trưởng Hội Quốc, Nam-Cao, Tân-gia-ba đã tới dự phiên-họp cuối cùng ở dinh thủ-tướng.
2. Ông Xuân: Phái đoàn Việt-Nam gồm có những ai?
3. Ô. N: Ngoài thủ-tướng ra còn có bốn vị bộ-trưởng khác tham-dự.
4. Ô. X: Sau phiên-họp ấy họ đã công-bố gì?
5. Ô. N: Lẽ dĩ nhiên họ đã lên án những hành-động bất-hợp-pháp của phe cộng-sản. Họ yêu cầu các vị thủ-lãnh chánh-phủ thẳng tay trừng-phạt những bọn phiến-loạn.
6. Ô. X: Ngoài những quan-điểm trên, hội-nghị đó có loan báo gì thêm không?
7. Ô. N: Có, họ tuyên-bố rằng họ sẽ cực-lực cho thi-hành chương-trình "diệt cộng, yên dân" để bảo-đảm nền an-ninh quốc-gia.
8. Ô. X: Hay quá, như vậy thì may ra người dân mới được ăn ngon ngủ yên một chút.

Lesson 121

1. Ông Nhu: Yesterday morning the Ministers of Foreign Affairs of Pakistan, South Korea and Singapore came to the Premier's palace to attend the final meeting.
2. Ông Xuân: Who were the Vietnamese delegates?
3. Ô. N: Besides the Premier there were four ministers.
4. Ô. X: What did they announce after the meeting?
5. Ô. N: Naturally they condemned all the unlawful actions of the communists. They requested that the government officials punish the rebels severely.
6. Ô. X: Did they announce anything else besides that?
7. Ô. N: Yes, they said that they would put into effect the program of "wiping out the communists, peace to the citizens" in order to protect the national security.
8. Ô. X: Wonderful, perhaps the people may enjoy peace for a little while.

Ngũ-vụng

bảo-đảm	to guarantee, assure
bất-hợp-pháp	to be illegal, unlawful
bọn	small group of people (derogatory)
công-bố	to announce publicly
cực-lực	strongly
lẽ dĩ nhiên	obviously, naturally
Nam-Cao	South Korea
quan-điểm	viewpoint, position
Tân-gia-ba	Singapore
thắng tay	to act or punish severely
thủ-lãnh	leader, chief
yên, yên-ôn	to be safe, secure

Lòng Yêu Nước Của Người Việt-Nam

Vua Hàm-Nghi - Phong Trào ^(movement) Cần Vương

Việc đánh nhau với Tàu xong thì tức là cuộc bảo-hộ của Pháp ở nước Việt-Nam thành. Kể từ khi quân Pháp đặt chân lên đất Việt-Nam họ luôn luôn gặp phải sức kháng-chiến của dân Việt, khi công-khai, khi ngấm-ngấm, khi râm rộ, khi lẻ-tẻ. Thịnh thoảng tình-hình có vẻ yên-tĩnh. Vì hoàn-cảnh, và tình-thế bắt buộc, người Việt-Nam phải im tiếng, nhưng lòng ái-quốc mỗi ngày một nồng nàn, sự uất-^{uất} ức mỗi ngày một tăng thêm. Sau đây ta sẽ kể qua lại công cuộc chiến-dấu của dân Việt chống Pháp trong thời-kỳ nước này ^{under protest} đổ-hộ Việt-Nam. (Dĩ nhiên) trong phạm-vi nhỏ ^{phạm vi} (hẹp) của những bài sau đây, chúng ta không thể kể hết được, ta chỉ kể lại những thời-kỳ chính mà thôi.

Phong-trào ^{movement} Cần vương: Tháng 7 năm 1885 Thống-tướng Pháp De Courey sang tới Bắc-kỳ. Thống-tướng đem quân vào Huế bắt ^{imperial Court} triều-đình chịu quyền bảo-hộ. Đêm mùng 4 ^{trăng mùng 5} tháng 7 năm 1885, quân Việt-Nam tập kích quân của De Courey ở Huế. Nhưng đến sáng thì quân Việt-Nam bị thua. Vua Hàm-Nghi phải chạy trốn, Phong-trào Cần-vương bắt đầu từ đó. Khắp nơi dân chúng ^{arise} nổi lên. Các ^{intellectuals} (nhà trí-thức) đóng vai-trò ^(leading) (lãnh đạo) tổ-chức các cuộc kháng-chiến. Người Pháp biết là chưa bắt được vua Hàm-nghi thì chưa thể ^{bring peace} dẹp yên được. Vua Hàm-Nghi chạy trốn đã hơn 3 năm. Nhiều người thấy quân Pháp mạnh thì ^{chán} chán

nản và ra hàng. Bây giờ có người báo cho quân Pháp là vua
Hàm-Nghi đang trốn ở nhà tên Trương-quang-Ngọc và nếu muốn
bắt vua thì phải nhờ tên Ngọc. Người Pháp biết Ngọc là một
người (nghiện thuộc phiên) và nên hứa nếu bắt được vua Hàm-
Nghi thì sẽ được thưởng nhiều tiền và được làm quan to. Đêm
ngày mùng 1 tháng 11 năm 1888, Ngọc dẫn đại-tá Boulanger và
một toán quân Pháp đến bắt được vua Hàm-Nghi. Vua Hàm-Nghi
trông thấy tên Ngọc làm phản thì căm giận đưa cho nó và bảo
rằng: "Mày giết tao đi còn hơn đưa (tao) về nộp cho Tây."

Vua Hàm-Nghi bây giờ 18 tuổi. Từ khi bị bắt, ai hỏi gì
cũng không nói. Người Pháp đày ông sang Algérie, thuộc địa
của Pháp.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can
go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

công khai	openly, publicly
đày	to exile
đóng vai-trò	play a part
hèn	vile
lẻ-tẻ	dispersely
lòng ái quốc	patriotism
ngâm-ngâm	secretly
nghiện thuốc phiện	addicted to opium
nồng nàn	strong, deep (feelings)
nộp	to hand over (someone to justice), to deliver (someone into the hands of the enemy)
phạm vi	limit
phản	to betray
rầm rộ	loudly, noisily
thuộc-địa	colony
uất-ức	to writhe
vai trò	part in a play
tr bắt cóc	kidnap

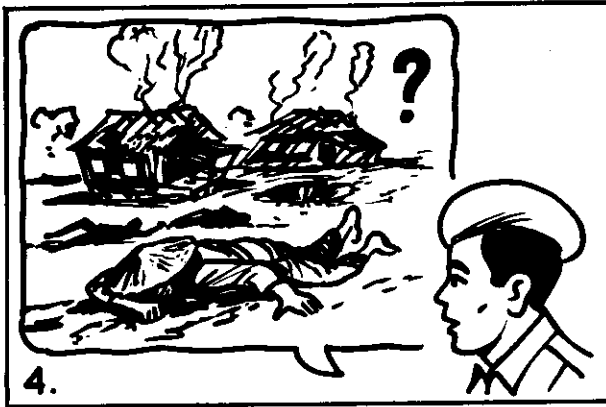
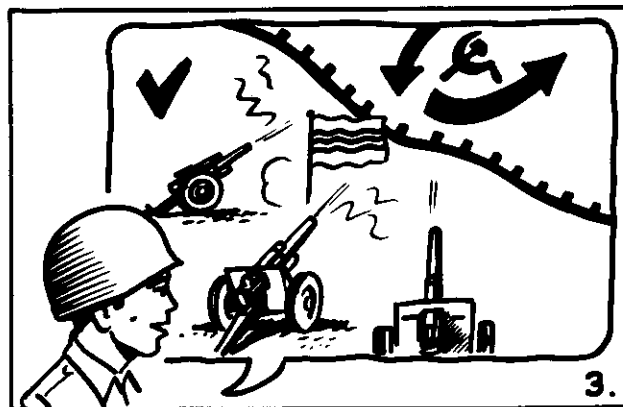
Câu hỏi:

1. Nước Pháp đồ-hộ nước Việt-Nam có dễ dàng không?
2. Tại sao người Việt lúc bấy giờ muốn đánh lại người Pháp?
3. Phong-trào Cần-vương là gì?
4. Phong-trào này bắt đầu thế nào?
5. Ai lãnh đạo những tờ-chức kháng chiến?
6. Vua Hàm-Nghị phải lần trốn bao lâu?
7. Ai là người bắt vua và nộp cho quân Pháp?
8. Quân Pháp đày vua Việt-Nam đi đâu?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Ở chọn nơi, chơi chọn bạn."

TK

BÀI THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI HAI

1. Trung-sĩ Hùng: Tôi hôm qua một trại binh lực-lượng đặc-biệt ở cao-nguyên trung-phần bị tấn-công ghê quá.
2. Hạ-sĩ Đa: Lại phải đương đầu với quân-đội chính-quy nữa à? Bên ta có bị tổn-thất nặng-nề không?
3. T.S.H: Tương-đối cũng nặng. Nhưng cũng may về sau các đồn bên cạnh tăng-cường trọng-pháo mới đẩy lui quân-địch được.
4. H.S.Đ: Thừa trung-sĩ, dân làng lân cận có ai bị thiệt mạng không?
5. T.S.H: Không ai hết. Ngoài ra đề tỏ lòng dũng-cảm với anh em chiến-sĩ họ còn mở một chiến dịch quyên máu để giúp các chiến-sĩ bị thương nữa.
6. H.S.Đ: Thiệt là một cử-chỉ anh-dũng đáng khen. Thừa trung-sĩ, về sau các anh em binh-sĩ có ai được tuyên-dương công-trạng không?
7. T.S.H: Tôi chưa biết rõ, nhưng tôi đoán thế nào cũng có.

Lesson 122

1. Trung-sĩ Hùng: Last night, a Special Forces' camp in the highlands of Central Viet-Nam was fiercely attacked.
2. Hà-sĩ Đa: We had to cope with the regular army again? Did our side suffer heavy casualties?
3. T.S.H: Relatively high. Fortunately, the neighboring posts helped to push back the enemy with increased heavy artillery.
4. H.S.D: Sergeant, were any of the villagers killed?
5. T.S.H: No one. And they have proven their loyalty to the troops by starting a blood donation campaign in order to help the wounded soldiers.
6. H.S.D: That's really a heroic attitude which is praiseworthy. Sergeant, did any soldier receive a merit citation afterwards?
7. T.S.H: I don't know for sure, but I guess there will be some.

Ngũ-vịng

cao-nguyên	uplands, highlands
công-trạng	merit, worth
dũng-cảm	brave, courageous
đương đầu	to face, resist, oppose
lực-lượng đặc-biệt	special forces
quyên	to raise, collect (funds)
thế nào cũng <u>or</u>	undoubtedly
thế nào (subject) cũng	
lòng dũng-cảm	courage, bravery
tồn-thất	to lose
trung-phần	central part; Central Viet-Nam
tương-đối	relative, relatively, comparatively
tuyên-dương	to praise, commend, cite

Đèo Hải-Vân

Vào quãng giữa hai tỉnh Thừa-Thiên và Quảng-Nam, đất bằng hẹp lại, có một ngọn núi từ dải Trảng-Sơn chạy dài ra tận biển, chắn cả lối thông-thương qua hai tỉnh.

Đối với khách du-lịch, đèo Hải-Vân là một nơi thắng cảnh thiên-nhiên đầy màu sắc: cây xanh, núi thẳm, dòng nước bạc trắng xóa râm-rộ rạch núi xẻ rừng đề trào ra biển bao là xanh-rợn lốm-đốm những cánh bướm trắng bạt gió ngoài khơi.

Đèo Hải-Vân chạy dài độ 20 cây số, chiều cao độ 500 thước mà thôi. Nhưng vì đá quá cứng nên đường đèo phải quanh-co uốn-khúc, khi vượt núi cao thẳm thẳm, khi chạy quanh miệng hồ, khi thênh thang giữa hốc đá cạnh biển đầy sóng.

Đường xe lửa có nơi thì uốn theo núi và biển, có nơi phải chui qua hầm đen tối. Đèo Hải-Vân có tất cả 9 cái hầm, trong số đó hầm Sen dài nhất. Khách du-lịch đi từ Huế vào Đà-Nẵng thích ngắm cảnh đèo: bên núi, bên biển; qua Lăng-cô ghé lại mua cá tươi, tôm tốt, sò ngon.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

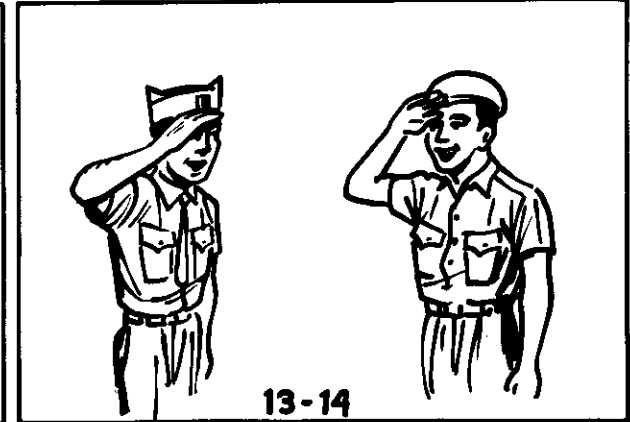
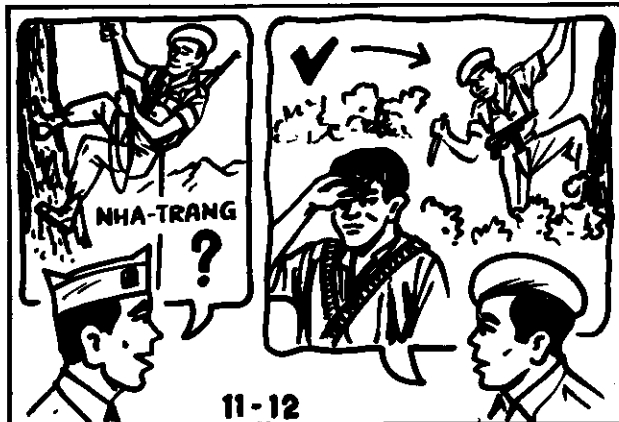
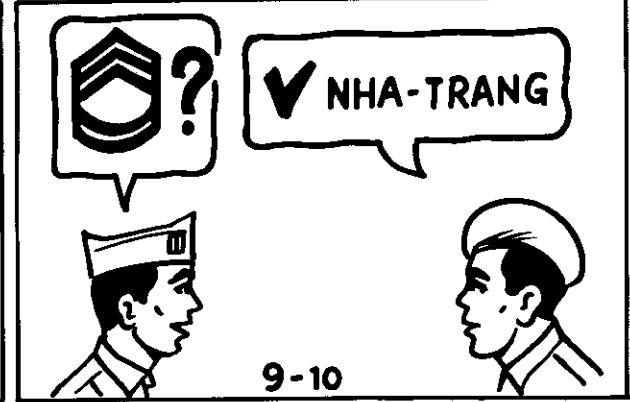
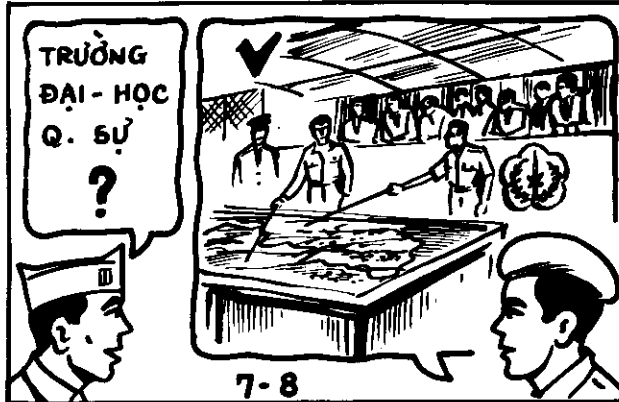
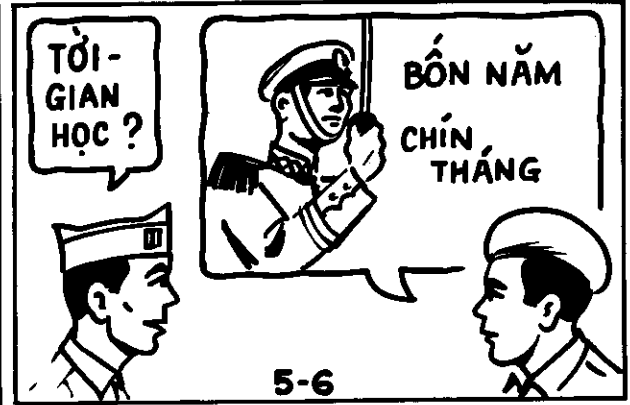
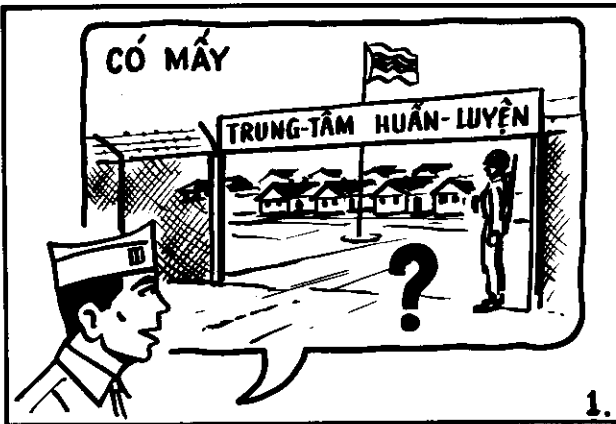
buồm	sail
cánh	(classifier)
chắn	to bar, obstruct, block up
chui	to slip in through a narrow opening
dải	chain, range (of mountains)
hốc	cave, cavern
lối	way
lốm đốm	to be spotted with, dotted, speckled
quanh co	to be winding; sinuous
rạch	to make an incision or groove
râm-rộ	to move noisily in a body
sò	clam, oyster
thẳm	profound, deep
thênh thang	vast, wide, broad; to feel free
thông-thương	commercial intercourse
trào ra	to overflow
uốn khúc	to wind around, meander
xanh rợn	quite blue
xẻ	to split up, cut

Câu hỏi:

1. Đèo Hải-Vân ở đâu?
2. Xin ông tả đèo Hải-Vân.
3. Đèo Hải-Vân cao bao nhiêu thước?
4. Đèo Hải-Vân có mấy cái hầm?
5. Phản-nghĩa (opposite) của "thiên-nhiên" là gì?
6. Phản-nghĩa của "râm-rộ", "tộg", "cúng" là gì?
7. Đồng-nghĩa với "chấn", "bao la", "cạnh" là gì?
8. "Xanh rợn" hay "xanh rờn" còn gọi là xanh gì nữa?
9. Đi từ Huế vào Đà-nẵng, khách du-lịch phải qua những nơi nào?
10. Đường đèo Hải-Vân như thế nào?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Có đi mới đến, có học mới hay."



BÀI THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI BA

1. Sĩ-quan Mỹ: Thưa đại-ủy, quân-đội Việt-Nam có
mấy trung-tâm huấn-luyện quân-sự?
2. Sĩ-quan Việt-Nam: Dạ có hai trung-tâm huấn-luyện chánh
là Trường Võ-Bị Quốc-Gia Đà-Lạt và
Liên-Trường Võ-Khoa Thủ-Đức.
3. S.Q.M: Thưa đại-ủy, hai trường nầy khác nhau thế nào?
4. S.Q.V.N: Dạ trường Võ-Bị Quốc-Gia đào-tạo sĩ-quan chính-
quy. Còn Liên-Trường Võ-Khoa đào-tạo sĩ-quan
trừ-bị.
5. S.Q.M: Thời-gian học của hai trường có khác nhau
không?
6. S.Q.V.M: Dạ khóa-sanh Trường Võ-Bị Quốc-Gia phải học
bốn năm. Còn khóa-sanh Liên-Trường Võ-Khoa
chỉ học chín tháng thôi.
7. S.Q.M: Thưa đại-ủy, Việt-Nam cũng có một Trường Đại-
Học Quân-Sự, phải không?
8. S.Q.V.N: Dạ phải. Trường Đại-Học Quân-Sự đào-tạo
sĩ-quan tham-mưu.
9. S.Q.M: Thưa đại-ủy, quân-đội Việt-Nam có trường
Hạ-sĩ-quan không?
10. S.Q.V.N: Dạ có, chúng tôi có một trường Hạ-sĩ-quan ở
Nha-Trang.

Lesson 123

1. American officer: Captain, how many military training centers does the Vietnamese army have?
2. Vietnamese officer: We have two main training centers which are the Đà-lạt National Military Academy and the Thủ-Đức Military School Center.
3. A.O: How do they differ?
4. V.O: The National Military Academy trains regular officers and the Military School Center trains reserve officers.
5. A.O: Is there any difference in the period of study between the two schools?
6. V.O: Yes, the students must spend four years at the National Military Academy and only nine months at the Military School Center.
7. A.O: Doesn't Việt-Nam also have a Command and General Staff School?
8. V.O: Yes, the Command and General Staff School trains Staff Officers.
9. A.O: Does the Vietnamese Army have an N.C.O. Training Center?
10. V.O: Yes, we have an N.C.O. Training Center at Nha-Trang.

VS. L 123

11. S.Q.M: Biệt-động-quân cũng được huấn-luyện ở Nha-Trang phải không?
12. S.Q.V.N: Dạ phải, họ được huấn-luyện theo du-kịch chiến.
13. S.Q.M: Cảm ơn đại-ủy nhiều lắm.
14. S.Q.V.N: Dạ không có chi.

11. A.O: Aren't the Rangers also trained at Nha-Trang?
12. V.O: Yes, they are trained in guerrilla warfare.